TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/DS-ST
Ngày: 01-10-2018
V/v: "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.
2. Ông Từ Xuân Tiếng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Bà Võ Thị T (tên thường gọi là A), sinh năm 1977. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị T có mua bán thức ăn gia súc với nhau từ ngày 23/4/2016 đến ngày 06/3/2017. Hai bên thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng mua bán; bà H là đại lý bán thức ăn, có nghĩa vụ cung cấp thức ăn cho bà T; bà T thanh toán tiền thức ăn cho bà H sau mỗi đợt bán heo (một đợt bán heo khoảng 04 tháng), thanh toán gối đầu. Khi bà H giao thức ăn cho bà T có lập sổ theo dõi số lượng và bà T có ký tên nhận thức ăn trong sổ theo dõi của bà H. Mỗi đợt bán heo, bà T có thanh toán tiền thức ăn cho bà H nhưng bà T thanh toán không hết số tiền. Đến ngày 06/3/2017, bà H và bà T kết thúc mua bán thức ăn do bà T nợ tiền quá nhiều; bà H và bà T tổng kết lại số nợ thì bà T còn nợ bà H số tiền là 221.401.000 *(hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)*

đồng. Đến ngày 15/4/2017, bà T có trả cho bà H số tiền là 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng. Từ ngày 15/4/2017 đến nay, bà T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà H, bà H đã liên hệ nhiều lần nhưng bà T cứ hứa mà không trả nợ. Do quyền lợi bị xâm phạm nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, đơn khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà H số tiền là 224.136.000 *(hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn)* đồng bao gồm: nợ gốc là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng và lãi suất là 8%/năm tính từ ngày 05/3/2017 đến ngày 06/8/2018 là 22.735.000 *(hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn)* đồng. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị T trả số tiền là 222.394.000 *(hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn)* đồng, bao gồm: nợ gốc là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng và tiền lãi là 8%/năm tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày 06/8/2018 là 20.993.000 *(hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn)* đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà Võ Thị T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Do làm ăn thua lỗ nên bà T không khả năng trả nợ, đến ngày 06/3/2017 thì bà T và bà H tổng kết lại nợ, bà T còn nợ bà H số tiền là 221.401.000 *(hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng. Đến ngày 15/4/2017, bà T có trả cho bà H số tiền là 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng. Từ ngày 15/4/2017 đến nay, bà T chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà H. Bà T thống nhất với số tiền nợ gốc và tiền lãi mà bà H yêu cầu, bà T đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng và xin bà H trả dần tiền lãi là 20.993.000 *(hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn)* đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Võ Thị T. Hiện nay, bà Võ Thị T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị T trả số tiền là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng theo giấy nhận nợ ngày 06/3/2017, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị T thống nhất trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2016 đến ngày 06/3/2017; hai bên có hợp đồng miệng mua bán thức ăn gia súc. Ngày 06/3/2017, bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị T có tổng kết nợ số tiền là 221.401.000 *(hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng, việc hợp đồng miệng mua bán tài sản hai bên hoàn

toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị T là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị T trả số tiền là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng và tiền lãi là 8%/năm tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày 06/8/2018 là 20.993.000 *(hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn)* đồng. Phía bị đơn bà Võ Thị T đồng ý trả số tiền gốc và xin bà H trả dần số tiền lãi.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn gia súc; khi hợp đồng hai bên thỏa thuận sau mỗi đợt bán heo thì bà T thanh toán tiền mua thức ăn cho bà H. Do bà T chăn nuôi thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền mua thức ăn nên bà T còn nợ bà H số tiền là 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng. Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng". Do đó, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ T toán số tiền 201.401.000 *(hai trăm lẻ một triệu bốn trăm lẻ một nghìn)* đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền trên của bà Nguyễn Thị H: Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"; do đó yêu cầu tính lãi của bà H là có cơ sở nên được chấp nhận. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 357 quy định: "Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Do bà H và bà T không có thỏa thuận mức lãi suất do chậm trả tiền nên mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm; bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất là 8%/năm, không vượt quá quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả cho bà H số tiền lãi là 20.993.000 *(hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn)* đồng và xin trả dần nhưng bà H không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà T xin trả dần số tiền lãi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Võ Thị T phải chịu là: 222.394.000 đồng x 5% = 11.119.700 *(mười một triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị T.

Buộc bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 222.394.000 *(hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Võ Thị T phải nộp là 11.119.700 *(mười một triệu một trăm mười chín nghìn bảy trăm)* đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị H là 5.603.000 *(năm triệu sáu trăm lẻ ba nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0018394 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn